

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày 31-3-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Trần Thị Thúy Lợi.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 426/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trọng L, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 141/7A, đường C, tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960 và ông Nguyễn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 29/11, đường P, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2022, và bản tự khai đề ngày 22/12/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của vụ án, nguyên đơn là ông Lê Trọng L trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 17/7/2022, tôi đã cho ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền được xác lập bằng văn bản do tôi soạn thảo, đã được ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T đọc và ký tên bên vay tiền vào ngày 17-7-2022. Nội dung của hợp đồng vay tiền thể hiện số tiền vay là 20.000.000 đồng; lãi suất vay 5%/tháng với thời hạn vay là 12 tháng và được trả góp hằng tháng, mỗi tháng trả số tiền gốc và lãi là: 2.381.000 đồng; ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận nếu trễ 3 ngày thì phải chịu mức tiền phạt là 300.000 đồng, trễ 30 ngày thì phải chịu mức tiền phạt là 450.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng vay tiền, tôi đã chuyển 20.000.000 đồng vào Tài khoản của bà Hoàng Thị T mở tại Ngân hàng TMCP VPBANK.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, ông L cho rằng bà T và ông N chưa trả cho ông L được đồng nào nên yêu cầu Tòa án buộc ông N và bà T phải trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi suất theo mức 1,66%/tháng tính từ ngày 17-7-2022.

Tại phiên họp hòa giải ngày 23-3-2023, ông L công nhận đến ngày 17/8/2022, ông N và bà T đã trả cho ông L được số tiền 700.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là: 19.300.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 1,66% tính từ ngày 17/8/2022 đến nay. Ông L yêu cầu ông N và bà T phải trả ngay số tiền nợ trên.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2023, bị đơn là bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn N trình bày: Vào ngày 15-7-2022, vợ chồng tôi có vay của ông Lê Trọng L số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng), thỏa thuận hằng tháng trả cả gốc và lãi là: 2.381.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng. Vợ chồng tôi đã trả gốc và lãi được 02 tháng (tháng 8 và tháng 9/2022). Từ đó đến nay vợ chồng tôi chưa trả được số tiền còn lại. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 17/7/2022, ông L đã cho ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 17/8/2022, ông N và bà T đã trả cho ông L được số tiền 700.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là: 19.300.000 đồng. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T phải trả cho ông L số tiền gốc là: 19.300.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 1,66% tính từ ngày 17/8/2022 đến nay.

Bị đơn trình bày: Ngày 15-7-2022, ông N và bà T có vay của ông Lê Trọng L số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận hằng tháng trả cả gốc và lãi là: 2.381.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng. Ông N và bà T đã trả gốc và lãi được 02 tháng tổng cộng là: 4.762.000 đồng và trả tiền phạt do chậm thanh toán với số tiền 300.000 đồng. Hiện nay, ông N và bà T còn nợ ông L số tiền là: 15.238.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng vụ án, Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không có sự tham gia của Viện Kiểm sát cùng cấp, theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau là: Ngày 15-7-2022, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Pleiku nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn làm đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Khi xác lập hợp đồng vay tiền, các bên tham gia đều có năng lực pháp luật dân sự, giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tiền có hiệu lực.

[6] Nguyên đơn là ông Lê Trọng L thừa nhận việc bị đơn là ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T đã trả được số tiền nợ là 700.000 đồng. Bị đơn cho rằng đã trả cho

nguyên đơn được 02 tháng là tháng 8 và tháng 9 năm 2022 với số tiền đã trả là: 4.762.000 đồng, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh số tiền đã trả cho nguyên đơn nên căn cứ vào hợp đồng vay tiền và lời khai của nguyên đơn đã đủ căn cứ khẳng định hiện nay bị đơn là ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T còn nợ nguyên đơn là ông Lê Trọng L, số tiền là: 19.300.000 đồng.

[7] Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, là Hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất, phương thức trả nợ góp hàng tháng cả gốc và lãi là: 2.381.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã cam kết, là vi phạm hợp đồng và làm phát sinh nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, nguyên đơn được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ số tiền đã vay đến nay chưa trả là: 19.300.000 đồng. Trong Hợp đồng vay tiền thể hiện lãi suất vay là 5%/tháng, mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận là vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định. Tuy nhiên, nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất theo mức lãi suất 1,66%/tháng, là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tiền lãi suất cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là: 19.300.000 đồng được tính lãi suất từ ngày 17-8-2022 (là ngày bị đơn đã trả 700.000 đồng) đến nay là: 226 ngày, thành tiền là:

$226 \text{ ngày} \times 19.300.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 2.390.000 \text{ đồng (quy tròn)}.$

Từ những nhận định tại các luận điểm trên đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[8] Bị đơn có quan hệ là vợ chồng và cùng mục đích vay tiền chung nên phải thực hiện nghĩa vụ liên đới theo Điều 288 của Bộ luật dân sự.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 288, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng L.

Buộc ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T phải liên đới trả cho ông Lê Trọng L, số tiền là: 21.690.000 đồng (trong đó: 19.300.000 đồng tiền nợ gốc và 2.390.000 đồng tiền nợ lãi suất).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn N và bà Hoàng Thị T phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.085.000 đồng.

Ông Lê Trọng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông L số tiền là: 539.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0002932 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là 31-3-2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường